

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/HS -PT
Ngày 14 - 7 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Thanh

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Mạnh

Bà Lê Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên toà: Bà Mầu Mai
Quyên - Kiểm sát viên.*

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 04/2022/TLPT-HS ngày 18 tháng 01 năm 2022 đối với các bị cáo Phan Văn N, Nguyễn Văn T, Phan Bá M, Lê Quang B, Nguyễn Văn C, Phan Thị H, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 103/2021/HS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phan Văn N, sinh ngày 07/10/1969; tại: Thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh P; nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; chức vụ Đảng, đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị M (đều đã chết); có vợ là Đinh Thị D và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 06/4/2021 đến ngày 15/4/2021 được tại ngoại tại địa phương (có mặt).

2. Nguyễn Văn T, sinh ngày 12/02/1989; tại: Thôn Y, xã C, huyện V, tỉnh P; nơi cư trú: Thôn Y, xã C, huyện V, tỉnh P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; chức vụ Đảng, đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T (tức Nguyễn Đức T) và bà Trần Thị S (đều đã chết); có vợ là Hoàng Thị L và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 06/4/2021 đến ngày 15/4/2021 được tại ngoại tại địa phương (có mặt).

3. Phan Bá M, sinh ngày 01/01/1985; tại: Thôn Y, xã C, huyện V, tỉnh P; nơi cư trú: Thôn Y, xã C, huyện V, tỉnh P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; chức vụ Đảng, đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Phan Bá Đ và bà Nguyễn Thị X (đã chết); có vợ là Lê Ngọc Cẩm T (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 12/4/2021 đến ngày 15/4/2021 được tại ngoại tại địa phương (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo M: Luật sư C thuộc Công ty Luật TNHH ViLob Nam Long – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt)

4. Lê Quang B, sinh ngày 05/01/1984; tại: Thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh P; nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 02/12; chức vụ Đảng, đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Kim Nhật T và bà Lê Thị N; có vợ là Trần Thị Đ và có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 06/4/2021 đến ngày 15/4/2021 được tại ngoại tại địa phương (có mặt).

5. Nguyễn Văn C, sinh ngày 29/8/1980; tại: Thôn Y, xã C, huyện V, tỉnh P; nơi cư trú: Thôn Y, xã C, huyện V, tỉnh P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 04/12; chức vụ Đảng, đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T (tức Nguyễn Đức T, đã chết) và bà Phan Thị M; có vợ là Tô Thị L và có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 06/4/2021 đến ngày 15/4/2021 được tại ngoại tại địa phương (có mặt).

6. Phan Thị H, sinh ngày 22/8/1986; tại: Thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh P; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/12; chức vụ Đảng, đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Phan Văn H (đã chết) và bà Tạ Thị H; có chồng là Khổng Quyết T và có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 06/4/2021 đến ngày 15/4/2021 được tại ngoại tại địa phương (có mặt).

Trong vụ án này còn có 06 bị cáo khác không có kháng cáo, kháng nghị và không Liên quan đến kháng cáo Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 21 giờ ngày 06/4/2021, Phan Văn N đang ở nhà thì lần lượt có: Phan Bá M, Trần Văn T1 (tức Phan Văn T1), Phan Văn V, Phan Văn B1, Nguyễn Văn T, Trần Văn Sáu, Nguyễn Văn C, Lê Văn L, Lê Quang B, Phan Văn T1, Nguyễn Văn T2, Phan Thị Linh, Phan Thị H, Bùi Văn T1 đến chơi, uống nước tại

phòng khách tầng 1 nhà N. Khi tất cả đang ngồi chơi thì M rủ những người trên đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa ăn tiền. Thấy M rủ, các đối tượng B, Sáu, C, L, H, Linh, V, B1 và Trần Văn T1 đều đồng ý. Sau đó, M B1 N cho M và các đối tượng đánh bạc tại nhà của N rồi sẽ trả tiền hồ thì N đồng ý. N B1 các đối tượng trên đi vào căn phòng ngủ bỏ trống tiếp giáp phòng khách tầng 1 nhà mình để đánh bạc, đồng thời B1 T đi ra ngoài sân trông xe và cảnh giới cho những người đánh bạc trong nhà N và mở đóng cổng khi có người ra vào, T đồng ý. B tự đến gian bát ở gian bếp nhà N lấy 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ làm dụng cụ đánh bạc. M lấy 01 chiếc kéo tại nhà N rồi cắt 04 quân xóc hình tròn từ vỏ bao thuốc lá WHITE HORSE làm quân xóc đĩa. Sau đó M, V, B1, Sáu, C, L, B, H, Linh và Trần Văn T1 đi vào trong phòng ngồi xuống chiếc chiếu nhựa đôi đã được trải sẵn dưới nền nhà để đánh bạc với nhau. M là người cầm bát đĩa xóc cái để cho Trần Văn T1, V, B1, Sáu, L, B, H, Linh tham gia đặt cược tiền đánh bạc.

Nguyễn Văn C không đặt cược chơi xóc đĩa ăn tiền mà cầm bảng vị đánh bạc với B, L, V, Trần Văn T1. Theo đó, C để 04 quân bài tú lơ khơ mang theo trước đó (gồm quân 3 rô, quân 3 bích, quân 4 rô, quân 4 bích) xuống chiếu phía trước mình làm dụng cụ đánh bạc bằng hình thức chơi bảng vị. Quá trình đánh bạc, B, T1, L và V đã đặt tiền cược đánh bảng vị với C tổng cộng 10 ván và đều thua C.

Trong thời gian đánh bạc, M thu của Sáu, L, C, Trần Văn T1 mỗi người 300.000 đồng; thu của Linh và H mỗi người 200.000 đồng tiền hồ, tổng cộng được 1.600.000đ đưa cho B và B trả cho N toàn bộ số tiền này.

Ngoài ra, tại nhà N lúc này có Phan Văn T1, Nguyễn Văn T2 và Bùi Văn T1 ngồi xem không tham gia đánh bạc.

Các đối tượng đánh bạc đến 22 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Tổ công tác Công an huyện V làm nhiệm vụ bắt quả tang, thu giữ tang vật gồm:

Thu tại chiếu bạc 51.300.000 đồng; 01 chiếc bát sứ; 01 chiếc đĩa sứ; 04 quân xóc hình tròn được cắt ra từ vỏ bao thuốc lá có 01 mặt màu trắng, 01 mặt màu vàng; 01 chiếc chiếu nhựa đôi màu xanh - đen; 04 quân bài tú lơ khơ (3 rô, 4 rô, 3 bích, 4 bích); 01 tờ giấy A4 có 01 mặt ghi các chữ số, mặt còn lại không ghi nội dung gì; 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone X màu vàng và Iphone 8 Plus màu vàng; 01 chiếc kéo làm bằng kim loại có chuôi bọc nhựa màu đỏ; Thu trên người các đối tượng số tiền 49.600.000 đồng, 13 điện thoại di động các loại; Tạm giữ phương tiện của các đối tượng.

Khi công an phát hiện bắt giữ thì Phan Bá M bỏ chạy lên tầng 2 nhà N rồi nhảy qua tường bao loan trốn thoát.

Quá trình điều tra xác định N đã nhận được tổng số 1.600.000 đồng tiền hồ do B đưa sau khi thu được của các con bạc nêu trên; T chưa thu lời được gì thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang. Các bị cáo đều khai nhận toàn bộ số tiền

51.300.000 đồng mà Cơ quan điều tra thu giữ tại chiếu bạc và số tiền 49.600.000 đồng thu giữ trên người các bị cáo_khi bắt quả tang đều là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc. Như vậy, xác định tổng số tiền các bị cáo mang theo và sử dụng để đánh bạc tại nhà N ngày 06/4/2021 là: 100.900.000 đồng (Một trăm triệu chín trăm nghìn đồng chẵn).

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 103/2021/HS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phan Văn N, Nguyễn Văn T phạm tội "Tổ chức đánh bạc"; các bị cáo Phan Bá M, Phan Thị Linh, Nguyễn Văn C, Lê Quang B, Phan Thị H, Phan Văn B1, Lê Văn L, Trần Văn Sáu, Trần Văn T1, Phan Văn V, phạm tội "Đánh bạc".

1. Căn cứ điểm a, c,d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phan Văn N 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt bị cáo đi thi hành án được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 06/4/2021 đến ngày 15/4/2021.

2. Căn cứ điểm a, c,d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt bị cáo đi thi hành án được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 06/4/2021 đến ngày 15/4/2021.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phan Bá M 03 (ba) năm 03 tháng tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 12/4/2021 đến ngày 15/4/2021.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, Điều 38 và Điều 58: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 03 (ba) năm tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án,được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 06/4/2021 đến ngày 15/4/2021.

5. Căn cứ khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, Điều 38 và Điều 58: Xử phạt bị cáo Lê Quang B 03 (ba) năm tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án,được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 06/4/2021 đến ngày 15/4/2021.

6. Căn cứ khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phan Thị H 03 (Ba) năm tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 06/4/2021 đến ngày 15/4/2021.

Các bị cáo khác bị tuyên phạt từ 2 năm 6 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội đánh bạc, thời gian thử thách gấp đôi.

Ngoài ra quyết định còn xử lý về vật chứng, áp dụng hình phạt bổ sung, tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 tháng 12 năm 2021, bị cáo Phan Bá M có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, bị cáo Phan Thị H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021 bị cáo Lê Quang B có đơn kháng cáo với nội dung xin hưởng án treo.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, bị cáo Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, bị cáo Nguyễn Văn T xin giảm nhẹ hình phạt hoặc cho hưởng án treo.

Ngày 17/12/2012 Phan Văn N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo giữ nguyên dung kháng cáo.

Bị cáo N cho rằng bị cáo nhận 900.000đ tiền hồ của các con bạc, không phải là 1.600.000đ.

Các bị cáo khác không có ý kiến gì về nội dung của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P thực hiện quyền công tố tại phiên tòa, sau khi đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng chuyển thành án treo cho các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Lê Quang B, Phan Thị H. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Phan Văn N, Phan Bá M.

Luật sư C bào chữa cho bị cáo Phan Bá M: Bị cáo đã ly hôn vợ và đang phải nuôi con nhỏ (07 tuổi), bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực giúp cơ quan chức năng sớm làm sang tố vụ án, sau khi phạm tội đã ra đầu thú; Gia Đ bị cáo M là gia Đ có công với cách mạng, với đất nước, có nhiều thành tích đóng góp cho sự nghiệp phát triển của địa phương; Trong thời gian chờ xét xử bị cáo đã có công cứu người chết đuối và tham gia ủng hộ quỹ phòng chống covid tại địa phương...

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm u, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1,2,5 Điều 65; điểm a khoản 1, Điều 1 Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP của TAND Tối cao; Khoản 4 Điều 2 Nghị quyết 02/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tuyên xử cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội cải tạo, lao động tại địa phương.

Bị cáo Phan Bá M trình bày bổ sung: Bị cáo đang là người thờ cúng liệt sĩ (Thờ cúng bác ruột là Phan Bá C).

Đại diện Viện kiểm sát đã đối đáp: Đối với các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo như phạm tội lần đầu, khai báo thành khẩn, bị cáo có bố đẻ có thành tích kinh doanh giỏi được Nhà nước khen thưởng Luật sư nêu ra đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Đối với tình tiết giảm nhẹ mới là bị cáo có công cứu người chết đuối, đóng góp vào quỹ phòng chống covid Luật sư đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm u khoản 1 Điều 51, đại diện Viện kiểm sát cho rằng các tình tiết này không đáp ứng đầy đủ các tiêu chí quy định tại Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nhưng vận dụng áp dụng khoản 2 Điều 51 cho bị cáo. Đối với lời khai của bị cáo, bị cáo đang là người thờ cúng liệt sĩ, lời khai này không có căn cứ vì bố đẻ bị cáo là ông Phan Bá Đ, em của liệt sĩ Phan Bá C đang còn sống. Mặc dù bị cáo M có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, nhưng xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã giảm nhẹ đáng kể cho bị cáo, vì dù có giảm nhẹ thì mức hình phạt đối với bị cáo đáng lẽ phải cao hơn. Với mức độ phạm tội của bị cáo như đã nêu, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo Phan Bá M không tranh luận gì thêm.

Các bị cáo khác không tranh luận. Lời nói sau cùng các bị cáo đều xin được hưởng án treo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong thời hạn luật định các bị cáo Phan Văn N, Nguyễn Văn T, Phan Bá M, Lê Quang B, Nguyễn Văn C, Phan Thị H có đơn kháng cáo là hợp lệ được chấp nhận về hình thức

[2] Xem xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện V lập hồi 22 giờ 45 phút ngày 06/4/2021, phù hợp với lời khai của người làm chứng và còn được chứng minh bằng vật chứng thu giữ được khi bắt người có hành vi phạm tội quả tang cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo N cho rằng mới chỉ nhận tiền hồ nhưng lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai của các bị cáo khác đã thể hiện bị cáo N đã nhận 1.600.000đ do B đưa cho. Hội đồng xét xử thấy đã có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 22 giờ ngày 06/4/2021, Phan Văn N đã cho 10 người đánh bạc tại nhà của N ở thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh P gồm: Phan Bá M, Lê Quang B, Lê Văn L, Trần Văn T1, Phan Văn V, Phan Thị H, Phan Văn B1, Phan Thị Linh, Trần Văn Sáu, Nguyễn Văn C trong đó: M, B, L, T1, V, H, B1, Linh, Sáu đánh bạc bằng hình thức

đánh xóc đĩa ăn tiền; Nguyễn Văn C đánh bạc bằng hình thức đánh bảng vị ăn tiền với B, L, T1, V. Phan Văn N là chủ nhà đã đồng ý cho các con bạc đánh bạc tại nhà ở của mình và thu được 1.600.000đ tiền hồ đồng thời N phân công Nguyễn Văn T ra trông xe, mở cổng cho người ra vào nhà N và canh gác cho các con bạc đánh bạc trong nhà N. Khi được N phân công thì T đồng ý và ra trông xe, mở đóng cổng khi có người ra vào và canh gác cho các con bạc đánh bạc trong nhà N (nhưng chưa được ai trả công). Đến 22 giờ 30 phút cùng ngày 06/4/2021 thì bị Công an huyện V kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang. Lúc này, Phan Bá M bỏ chạy lên tầng 2 nhà N rồi trốn thoát đến ngày 12/4/2021 đầu thú. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 100.900.000đ.

Với hành vi nêu trên, các cơ quan tiến hành tố tụng của huyện V đã truy tố, xét xử bị cáo Phan Văn N, Nguyễn Văn T tổ chức đánh bạc theo khoản 1 Điều 322, Bộ luật hình sự; Phan Bá M, Lê Quang B, Nguyễn Văn C, Phan Thị H về tội đánh bạc theo khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xem xét nội dung kháng cáo giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo của các bị cáo, thấy rằng:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, là nguyên nhân của nhiều loại tội phạm khác mà dư luận nhân dân hiện nay đang bắt B nên cần phải đưa ra xét xử nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa C trong nhân dân.

Tuy N các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, quá trình giải quyết vụ án luôn khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, vì vậy các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Ở giai đoạn phúc thẩm một số bị cáo đã xuất trình chứng cứ chứng minh cho tình tiết giảm nhẹ mới: Bị cáo Nguyễn Văn T xuất trình đơn xin xác nhận bị cáo có 03 con còn nhỏ, vợ bị cáo đau ốm thường xuyên, bị cáo hiện là lao động chính trong gia Đ, đơn có xác nhận của UBND xã C. Bị cáo Phan Bá M xuất trình Biên bản sự việc ngày 26/12/2021 do Công an xã B, huyện Đ, tỉnh T thể hiện bị cáo là người cứu người bị ngã xuống ao; UBND xã C, huyện V xác nhận bị cáo ủng hộ 3.000.000đ cho quỹ phòng chống covid 19. Bị cáo Nguyễn Văn C xuất trình đơn xin xác nhận bị cáo đã đóng góp 2.000.000đ cho quỹ phòng chống covid; xác nhận của UBND xã C về việc làm tốt (cứu người ngã xuống sông); Biên lai thu tiền thể hiện bị cáo tự nguyện nộp tiền phạt 15.000.000đ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên. Bị cáo Phan Thị H có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương xác nhận bị cáo có chồng bị tai nạn mất trí nhớ; phải nuôi hai con nhỏ; là lao động chính. Các tình tiết giảm nhẹ này của các bị cáo được coi là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã có sự phân hóa về hình phạt đối với các bị cáo, song xét xử buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Lê Quang B, Phan Thị H là quá nghiêm khắc, bởi lẽ trong vụ án này các bị cáo đóng vai trò thứ yếu, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C là con thương binh, việc xem xét cho hai bị cáo T và C hưởng án treo cũng là thể hiện công tác đền ơn đáp nghĩa của Nhà nước; Ở giai đoạn phúc thẩm các bị cáo còn xuất trình các chứng cứ chứng minh cho tình tiết giảm nhẹ mới, bị cáo Lê Quang B không có tình tiết giảm nhẹ mới nhưng mức độ phạm tội hạn chế hơn các bị cáo khác. Bị cáo Phan Thị H là phụ nữ, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Đối chiếu với quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 thì các bị cáo T, C, B, H có đủ điều kiện được hưởng án treo, ngoài ra việc cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ sức giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, do đó cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Lê Quang B, Phan Thị H, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo này.

Đối với các bị cáo Phan Văn N, Phan Bá M là những người chịu trách nhiệm chính trong vụ án, trong đó bị cáo Phan Văn N là người đã dùng nhà của mình cho 10 con bạc để thu tiền hồ, Phan Bá M là người khởi xướng việc đánh bạc, là người hỏi bị cáo N mượn địa điểm để cùng các con bạc đánh bạc, trực tiếp thu tiền hồ của một số con bạc để đưa cho N, đồng thời cũng là con bạc tích cực. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử hai bị cáo với mức án nêu trên là đã có giảm nhẹ đáng kể, vì vậy mặc dù ở giai đoạn phúc thẩm bị cáo M xuất trình chứng cứ giảm nhẹ mới nhưng với mức độ phạm tội của bị cáo N và M như đã nêu, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo N và bị cáo M.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng chuyển thành án treo cho các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Lê Quang B, Phan Thị H. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Phan Văn N, Phan Bá M.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Phan Thị H, Lê Quang B, không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo Phan Văn N, Phan Bá M phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Phan Thị H, Lê Quang B; Không chấp nhận đơn kháng cáo của Phan Văn N, Phan Bá M. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 103/2021/HS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V.

Tuyên bố các bị cáo Phan Văn N, Nguyễn Văn T phạm tội "Tổ chức đánh bạc"; các bị cáo Phan Bá M, Nguyễn Văn C, Lê Quang B, Phan Thị H phạm tội "Đánh bạc".

1. Căn cứ điểm a, c,d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phan Văn N 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt bị cáo đi thi hành án được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 06/4/2021 đến ngày 15/4/2021.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phan Bá M 03 năm 03 tháng tù, hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 12/4/2021 đến ngày 15/4/2021.

3. Căn cứ điểm a, c,d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (Hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, và Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 năm kể từ ngày tuyên án.

5. Căn cứ khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Quang B 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 năm kể từ ngày tuyên án.

6. Căn cứ khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phan Thị H 03 (Ba) nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 năm kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Lê Quang B cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện V giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Phan Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có tên nêu trên, cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định

của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí hình sự phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Lê Quang B, Phan Thị H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

Các bị cáo Phan Văn N, Phan Bá M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.,

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P;
- Sở tư pháp tỉnh P;
- Tòa án nhân dân huyện V
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã C, huyện V;
- UBND xã Y, huyện V
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh P;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoàng Thanh

Trước khi phạm tội các bị cáo kháng cáo đều chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đều khai báo thành khẩn, vì vậy các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với Phan Văn N: Bị cáo là người đã dùng nhà của mình cho 10 con bạc là Phan Bá M, Lê Quang B, Lê Văn L, Trần Văn T1, Phan Văn V, Phan Thị H, Phan Văn B1, Phan Thị Linh, Trần Văn Sáu, Nguyễn Văn C đánh bạc để thu tiền hồ đồng thời phân công Nguyễn Văn T ra sân trông xe, mở cổng cho người ra vào nhà N và cảnh giới cho các con bạc đánh bạc trong nhà do đó N phải chịu trách nhiệm chính trong hành vi tổ chức đánh bạc. Ngoài tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo N đã xuất trình tại giai đoạn sơ thẩm, ở giai đoạn sơ thẩm bị các N không xuất trình chứng cứ gì mới. Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng (Ba năm tù) là phù hợp với mức độ phạm tội của bị cáo.

Đối với Nguyễn Văn T: Do nề nang nên đã giúp sức cho bị cáo trong việc trông xe, mở cổng cho người ra vào nhà N và cảnh giới cho các con bạc đánh bạc theo sự phân công của T, T chưa được chia lời gì.

Ở giai đoạn phúc thẩm bị cáo T xuất trình các chứng cứ chứng minh cho tình tiết giảm nhẹ mới, đó là bị cáo có 03 con còn nhỏ, vợ bị cáo đau ốm thường xuyên, bị cáo hiện là lao động chính trong gia Đ.

(Các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo có ông nội có công tham gia kháng chiến chống Pháp; Có bác là liệt sỹ chống Mỹ; Có bố là Nguyễn Đức Ty là thương binh 4/4 đã được xem xét ở giai đoạn sơ thẩm)

Đối với Phan Bá M là người khởi xướng việc đánh bạc, là người hỏi bị cáo N mượn địa điểm để cùng các con bạc đánh bạc, thu tiền hồ của một số con bạc đưa B trả cho N, chuẩn bị công cụ phạm tội và trực tiếp xóc cái.

Ở giai đoạn phúc thẩm bị cáo xuất trình chứng cứ mới là Biên bản sự việc ngày 26/12/2021 do Công an xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên thể hiện bị cáo là người cứu người bị ngã xuống ao; xác nhận của UBND xã Trần Hưng xác nhận bị cáo ủng hộ 3.000.000đ cho quỹ phòng chống covid 19.

(Ở giai đoạn sơ thẩm bị cáo xuất trình chứng cứ: Bố bị cáo là ông Phan Bá Đường được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tặng bằng khen vì có thành tích sản xuất kinh doanh giỏi 5 năm từ năm 2006 đến 2010)

Đối với Lê Quang B là người **đến giàn bát nhà N lấy 01 chiếc bát sứ**, 01 chiếc đĩa sứ đưa M làm dụng cụ đánh bạc, cầm tiền hồ đưa cho N, sử dụng số tiền 11.500.000 đồng vào việc đánh bạc; Ở giai đoạn phúc thẩm không xuất trình chứng cứ giảm nhẹ mới.

Đối với Nguyễn Văn C là người cầm băng vị, đã sử dụng 04 quân bài tú lơ khơ (gồm quân 3 rô, quân 4 rô, quân 3 bích, quân 4 bích) để làm dụng cụ đánh bạc bằng hình thức đánh băng vị với B, T1, L, V là người cho bị cáo M, bị cáo B vay tiền đánh bạc và là người tham gia đánh bạc có số tiền lớn nhất (60.000.000 đồng). Ở giai đoạn phúc thẩm đã xuất trình chứng cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới là xác nhận của chính quyền địa phương xác nhận bị cáo đã đóng góp 2.000.000đ cho quỹ phòng chống covid; Tự nguyện nộp tiền phạt 15.000.000đ; Xác nhận của UBND xã C về việc làm tốt: Cứu người ngã xuống sông.

Đối với Phan Thị H là người tham gia đánh bạc tích cực **ngay** từ đầu; trong đó bị cáo H tham gia đánh bạc với số tiền 13.300.000 đ. Ở giai đoạn phúc thẩm bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương: Có chồng bị tai nạn mất trí nhớ; phải nuôi hai con nhỏ; là lao động chính

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND tỉnh P;
- VKSND huyện V;
- CQĐT - CA huyện V;
- CQCSTHAHS - CA huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp các tỉnh P, Phú Thọ, Bắc Ninh, TP.
Hà Nội và Tp. Hải Phòng;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trọng

